

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17 - 9 - 2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đàm Thị Tư  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Diên  
Bà Khổng Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chúng Minh Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Y, sinh năm 1974; dân tộc: Kinh; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Lục Văn T (*Tên gọi khác: Lục Đình T*), sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai bà Lê Thị Y trình bày:* Bà và ông Lục Văn T về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 1996 tại Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, có 03 con chung, từ năm 2004 trong cuộc sống chung giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, quá trình làm ăn kinh tế trong gia đình không có sự bàn bạc thống nhất, ngoài ra ông T còn thường xuyên uống rượu say, bà khuyên bảo nhưng ông T không nghe còn có những lời lẽ xúc phạm, dẫn đến xảy ra xô sát, đánh đập, cãi chửi lẫn nhau. Do

trong cuộc sống chung giữa hai ông bà mâu thuẫn nên ông T đã bỏ đi và về sống với người vợ cũ tại Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang từ cuối năm 2008 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến bà nữa. Nhận thấy cuộc sống chung như vợ chồng giữa bà với ông T là không đúng quy định của pháp luật, nên bà Y có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết vụ án ly hôn cho bà với ông Lục Văn T.

*Về phía bị đơn ông Lục Văn T khai nhận:* Ông và bà Lê Thị Y có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn vì khi đó ông đã có vợ con. Do có tình cảm với ông, nên bà Lê Thị Y chấp nhận cuộc sống chung như vậy, quá trình chung sống giữa ông và bà Y có 03 người con, nhưng trong cuộc sống hàng ngày hai ông bà luôn bất đồng quan điểm, mỗi người một tính cách khác nhau, không có sự chia sẻ động viên lẫn nhau. Vì vậy ông đã bỏ bà Y đi từ năm 2008, từ đó đến nay giữa hai ông bà không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà Lê Thị Y có đơn đề nghị giải quyết vụ án ly hôn ông cũng nhất trí và đề nghị Tòa án tuyên bố ông và bà Y không phải là vợ chồng.

*Về con chung:* Bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T đều khai nhận, quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là cháu Lục Thị O, sinh ngày 24/02/1997 (hiện đã trưởng thành); Cháu Lục Thị T, sinh ngày 01/6/2005 và cháu Lục Thị Hà G, sinh ngày 04/6/2008. Hiện nay các cháu đang sống cùng bà Lê Thị Y tại Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Quan điểm của bà Y, ông T về việc nuôi con chung, cùng thống nhất thỏa thuận, bà Lê Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu T và G cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông Lục Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Lục Thị O đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt ông Thi, bà Yên vẫn giữ nguyên quan điểm về các nội dung đã trình bày có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng đã quy định; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân theo đúng pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T. Về nuôi con chung, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao hai cháu Lục Thị T, sinh ngày 01/6/2005 và Lục Thị Hà G, sinh ngày 04/6/2008 cho bà Lê Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18

tuổi, ông Lục Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Lục Thị O, sinh ngày 24/02/1997 (hiện đã trưởng thành) nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” của bà Lê Thị Y được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn vì khi đó ông Lục Văn T đã có vợ con là bất hợp pháp nên không được pháp luật công nhận. Mặt khác, cả hai ông bà đều thừa nhận quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và ông T cũng đã bỏ bà Lê Thị Y về sống với vợ cũ tại Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang từ cuối năm 2008 cho đến nay. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T.

[3] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T có 03 con chung là cháu Lục Thị O, sinh ngày 24/02/1997 (hiện đã trưởng thành); Cháu Lục Thị T, sinh ngày 01/6/2005 và cháu Lục Thị Hà G, sinh ngày 04/6/2008. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và hòa giải về phần con chung bà Y, ông T cùng thống nhất thỏa thuận: Bà Lê Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu T và G cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. ông Lục Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu Lục Thị O, sinh ngày 24/02/1997 (hiện đã trưởng thành) các đương sự không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung dưới 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và đúng quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận theo các Điều 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Y và ông Lục Văn T (Tên gọi khác: Lục Đình T).

2. Về việc nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà Lê Thị Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Lục Thị T, sinh ngày 01/6/2005 và cháu Lục Thị Hà G, sinh ngày 04/6/2008 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Lục Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0001068 ngày 15 tháng 5 năm 2020.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã T, huyện V;
- UBND thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Thị Tư**

